

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 511/2018/HS-PT
Ngày: 16/11/2018

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Việt Tiên

Ông Ngô Ngọc Thắng

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Quỳnh Nga.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa:* Bà Võ Thị Diệp – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 433/2018/HSPT ngày 26/9/2018 đối với bị cáo Lê Văn T. Do có kháng cáo của bị cáo T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 99/2018/HS-ST ngày 20/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Lê Văn T** (tên gọi khác: **T'**); giới tính: Nam; sinh năm: 1983 tại tỉnh B; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 10, xã HC, huyện HT, tỉnh B; chỗ ở: Tại phiên tòa, bị cáo khai hiện đang sống tại số: 45/13 Khu phố BQ, phường BH, thị xã TA, tỉnh C (có nộp sổ tạm trú); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Công nhân; con ông Lê Văn T và bà Lê Thị Đ; hoàn cảnh gia đình: Tại phiên tòa, bị cáo khai có vợ tên Nguyễn Thị L và 03 con chung, trong đó con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không.

Trong quá trình điều tra, bị cáo đã bỏ trốn. Ngày 28/9/2007, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A đã ra Quyết định truy nã số 40, đến ngày 20/3/2018, bị cáo ra đầu thú. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 23/02/2006, Lê Văn T, Đào Minh X, Nguyễn Phong Q và P (không rõ lai lịch) tổ chức uống rượu bia tại phòng trọ của T ở địa chỉ: 1A112 ấp 1a, xã I, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi uống xong, P và Q ngủ tại phòng trọ còn T và X đi qua quán cà phê 216 đối diện phòng trọ của T để uống nước. Tại đây, T có chọc ghẹo, choàng tay qua vai của chị Nguyễn Thị M, ôm ngang bụng chị Nguyễn Thị Thuý A là tiếp viên của quán thì bị chị M và chị A đẩy ra. Lúc này, anh Lê Tiến Đ đang ngồi ở bàn bên cạnh thấy vậy liền nói: “Đây là quán cà phê bình thường, các anh không được làm như vậy”. Tức giận vì bị anh Đ nhắc nhở, T đi ra bãi đất trống cạnh phòng trọ lấy một miếng thủy tinh (kích thước khoảng 20 x 10cm) giấu vào người rồi về phòng trọ rủ X, Q và P đến quán cà phê nói chuyện với anh Đ. Tại quán cà phê 216, Q hỏi T có bị anh Đ đánh không thì T trả lời là có. Q liền dùng tay tát trúng mặt của anh Đ một cái rồi bỏ đi. Anh Đ bỏ chạy vào bên trong quán cà phê khoảng 05 mét thì bị T dùng tay phải ném mảnh thủy tinh giấu trong người vào mặt rồi cùng X, P quay về phòng trọ. Sau đó, anh Đ được mọi người đưa đi cấp cứu tại Trung tâm Y tế Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Công an xã I đã lập hồ sơ ban đầu, thu giữ vật chứng rồi chuyển đến Công an huyện A để điều tra, xử lý.

Theo Kết luận giám định pháp y số 1612/TT.06 ngày 16/11/2006 của Tổ chức giám định pháp y thuộc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh đối với anh Lê Tiến Đ như sau: Chấn thương đầu mặt gây: Gãy 02 răng 1-1, 2-1 và lung lay răng 1-2, tạo sẹo cánh mũi trái xuống môi trên môi dưới 7.8 x 0.2cm, ảnh hưởng thẩm mỹ; tạo 01 sẹo mờ nhỏ trên mí mắt trái. Vết thương mắt trái tạo sẹo giác mạc và giảm thị lực nhiều. Tỷ lệ thương tật toàn bộ là 33% vĩnh viễn.

Ngày 19/6/2007, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Lê Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” theo Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tuy nhiên, T bỏ trốn không có mặt tại địa phương, đến ngày 28/9/2007, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định truy nã số 40 đối với T, đồng thời, tạm đình chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra bị can đối với Lê Văn T. Đến ngày 20/3/2018, Lê Văn T đến Công an huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh đầu thú. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A ra Quyết định đình nã, phục hồi điều tra vụ án, phục hồi điều tra bị can đối với Lê Văn T.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Theo kết quả xác minh ngày 18/5/2018 của Công an xã I, huyện A, bị hại anh Lê Tiến Đ đã bán nhà từ năm 2014, hiện đi đâu không rõ. Tuy nhiên, theo hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền là 12.000.000 đồng và bị hại đã làm đơn xin bãi nại đối với bị cáo.

Tại Bản cáo trạng số 86/CT-VKSBC ngày 21/6/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 99/2018/HS-ST ngày 20/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện A đã nhận định bị cáo Lê Văn T đã có hành vi dung tay cầm miếng thủy tinh ném vào mặt của anh Đ ở khoảng cách 5m, gây thương tích cho anh Đ với tỷ lệ thương tật là 33% vĩnh viễn, và do hành vi phạm tội của bị cáo là mang tính côn đồ và dùng hung khí nguy hiểm để phạm tội, là phạm tại các điểm a và i khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 nên hành vi phạm tội của bị cáo cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự; và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại, người bị hại làm đơn bãi nại cho bị cáo, cha bị cáo là thương binh, bị cáo là lao động chính trong gia đình – quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đồng thời áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức án dưới khung hình phạt – là 03 năm 06 tháng tù. Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 30/8/2018, bị cáo Lê Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Lê Văn T thừa nhận hành vi phạm tội của mình như án sơ thẩm đã tuyên, tuy nhiên đề nghị cho tiến hành giám định lại, bởi hành vi ném miếng thủy tinh vào mặt không thể gây ra gãy răng được, đồng thời giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và nộp bổ sung 02 giấy Huân chương kháng chiến hạng nhất của cha và của mẹ là ông Lê Văn T và bà Lê Thị Đ do Chủ tịch nước ký để xin giảm nhẹ thêm một phần hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như án sơ thẩm đã tuyên, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ cùng các chứng cứ khác đã thu thập có được trong hồ sơ vụ án. Từ đó, xác định được:

Khoảng 22 giờ 30 ngày 23/02/2006, tại quán cà phê 216 (đối diện địa chỉ 1A112 ấp 1a, xã I, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh), sau khi cự cãi với anh Lê Tiến Đ và sau khi bị một người bạn của T tên là Q tát vào mặt, Lê Tiến Đ bỏ chạy vào phía trong quán, lúc đó Lê Văn T ở khoảng cách 5m, đã dùng tay phải ném miếng thủy tinh (kích thước khoảng 20cm x 10cm) trúng vào mặt anh Lê Tiến Đ gây thương tật với tỷ lệ toàn bộ là 33% vĩnh viễn. Hành vi của Lê Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”, và do hành vi là mang tính côn đồ, đồng thời đã dùng hung khí nguy hiểm để phạm tội nên truy tố và xét xử

bị cáo tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 là đúng người đúng tội và đúng pháp luật.

Xét thời điểm phạm tội của bị cáo là vào năm 2006, luật áp dụng để xét xử bị cáo là Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Tuy nhiên, so chiếu với điều luật tương ứng của Bộ luật hình sự hiện hành (Điều 134) về tội “Cố ý gây thương tích” là nhẹ hơn so với quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Do vậy, để có lợi cho bị cáo, Tòa áp dụng khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xét xử bị cáo (căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội). Bản án hình sự sơ thẩm số 99/2018/HS-ST ngày 20/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh tuy có nhận định về việc áp dụng khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để đảm bảo nguyên tắc có lợi cho bị cáo nhưng tại phần quyết định vẫn áp dụng khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 để xét xử bị cáo là chưa chính xác, cần sửa bản án sơ thẩm về việc này.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ việc bị cáo gây thương tích cho người khác là phạm pháp nhưng chỉ vì nguyên cớ nhỏ nhặt, vẫn ngang nhiên thực hiện hành vi phạm tội, điều đó cho thấy bị cáo xem thường pháp luật, cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Xét đơn kháng cáo của bị cáo Lê Văn T làm trong thời hạn luật định là hợp lệ nên thuộc trường hợp được xem xét tại cấp phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xin cho giám định lại tỷ lệ thương tật đối với bị hại, nếu không được chấp nhận thì xin giảm nhẹ hình phạt. Xét, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đưa ra 02 giấy Huân chương kháng chiến hạng nhất của cha và của mẹ là ông Lê Văn T và bà Lê Thị Đ do Chủ tịch nước ký đề xin giảm nhẹ thêm một phần hình phạt. Xét thấy, đây là tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và là tình tiết giảm nhẹ mới mà cấp sơ thẩm chưa xem xét cho bị cáo, cấp phúc thẩm cần bổ sung xem xét là mới thỏa đáng.

Xét việc tại Tòa bị cáo xin cho giám định lại tỷ lệ thương tật của bị hại vì cho rằng tỷ lệ thương tật mà hội đồng giám định đã xác định là 33% vĩnh viễn là chưa chính xác. Qua xem xét kết quả giám định là hoàn toàn dựa trên những thương tật từ hành vi của bị cáo gây ra nên không chấp nhận yêu cầu này của bị cáo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn T; sửa bản án sơ thẩm về điều luật áp dụng và về hình phạt.

Phạt bị cáo Lê Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Bị cáo Lê Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND huyện A; (1)
- P.PC 53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam; (1)
- Chi cục THA huyện A ; (1)
- TAND huyện A ; (1)
- Công an huyện A ; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (20) (6)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hà